

# *ĐỊA LÍ 10*

## ***Bài 34. VẼ BIỂU ĐỒ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI***

# TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI

	1950	1960	1970	1980	1990	2003
<b>Than</b> (Triệu tấn)	1820	2603	2936	3770	3387	5300
<b>Dầu mỏ</b> (Triệu tấn)	523	1052	2336	3066	3331	3904
<b>Điện</b> (Triệu Kwh)	967	2304	4962	8247	11832	14851
<b>Thép</b> (Triệu tấn)	189	346	594	682	770	870

Dựa vào bảng số liệu:

- 1- Vẽ cùng trên 1 trục tọa độ các đồ thị thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm trên.
- 2- Nhận xét biểu đồ.

# NỘI DUNG THỰC HÀNH

- I. Vẽ trên cùng 1 hệ tọa độ các đồ thị thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp: than, dầu mỏ, điện, thép:
  - B1. Xử lí số liệu
  - B2. Vẽ biểu đồ
  - B3. Hoàn thiện biểu đồ
- II. Nhận xét biểu đồ:
  1. Đây là sản phẩm của ngành công nghiệp nào?
  2. Tốc độ tăng của từng sản phẩm.
  3. Giải thích nguyên nhân.

# B1.Cách xử lí số liệu:

Lấy năm 1950 là gốc

Số liệu năm 1950 = 100%

Số liệu năm 1960 = ? %

→ % 1960 = (số liệu năm 1960 X 100%) : số liệu năm 1950

% 1970 = (số liệu năm 1970 X 100%) : số liệu năm 1950

....

# Phiếu học tập

	1950	1960	1970	1980	1990	2003
Than	100					
Dầu mỏ	100					
Điện	100					
Thép	100					

## BẢNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP (%)

### Hoạt động nhóm :

(nhóm 1: than, nhóm 2: dầu mỏ, nhóm 3: điện, nhóm 4: thép)

1. Tính tốc độ tăng trưởng 1 sản phẩm (điền vào bảng).

$$\% 1960 = (\text{số liệu năm 1960} \times 100\%) : \text{số liệu năm 1950}$$

2. Tính tốc độ trung bình năm của sản phẩm.

$$\text{Tốc độ trung bình của sản phẩm} = \text{tốc độ tăng của sản phẩm năm} \\ 2003 : 53$$

3. Nhận xét : - Sản phẩm đó của ngành công nghiệp nào?

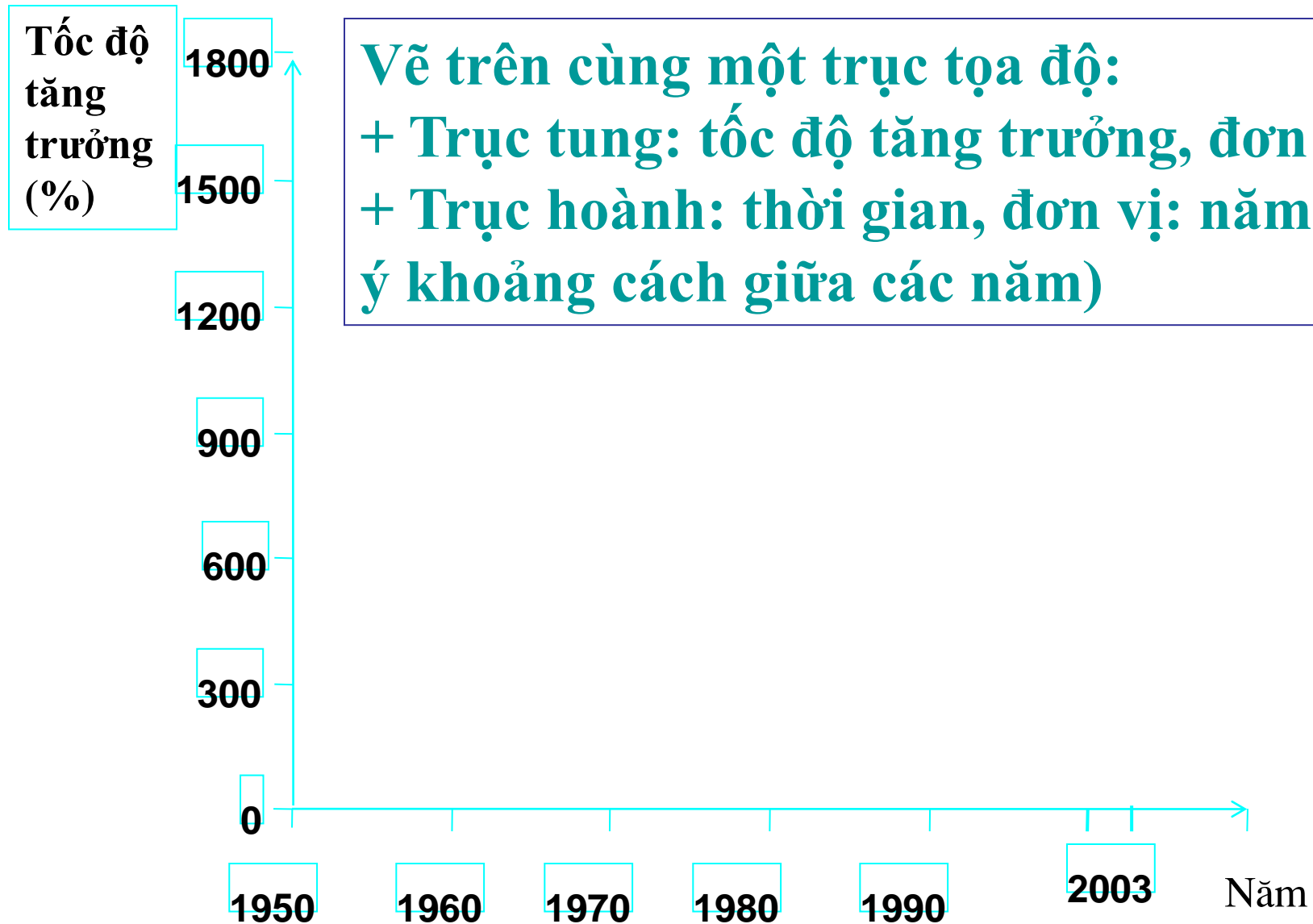
- Tốc độ tăng/giảm?

- Giải thích nguyên nhân.

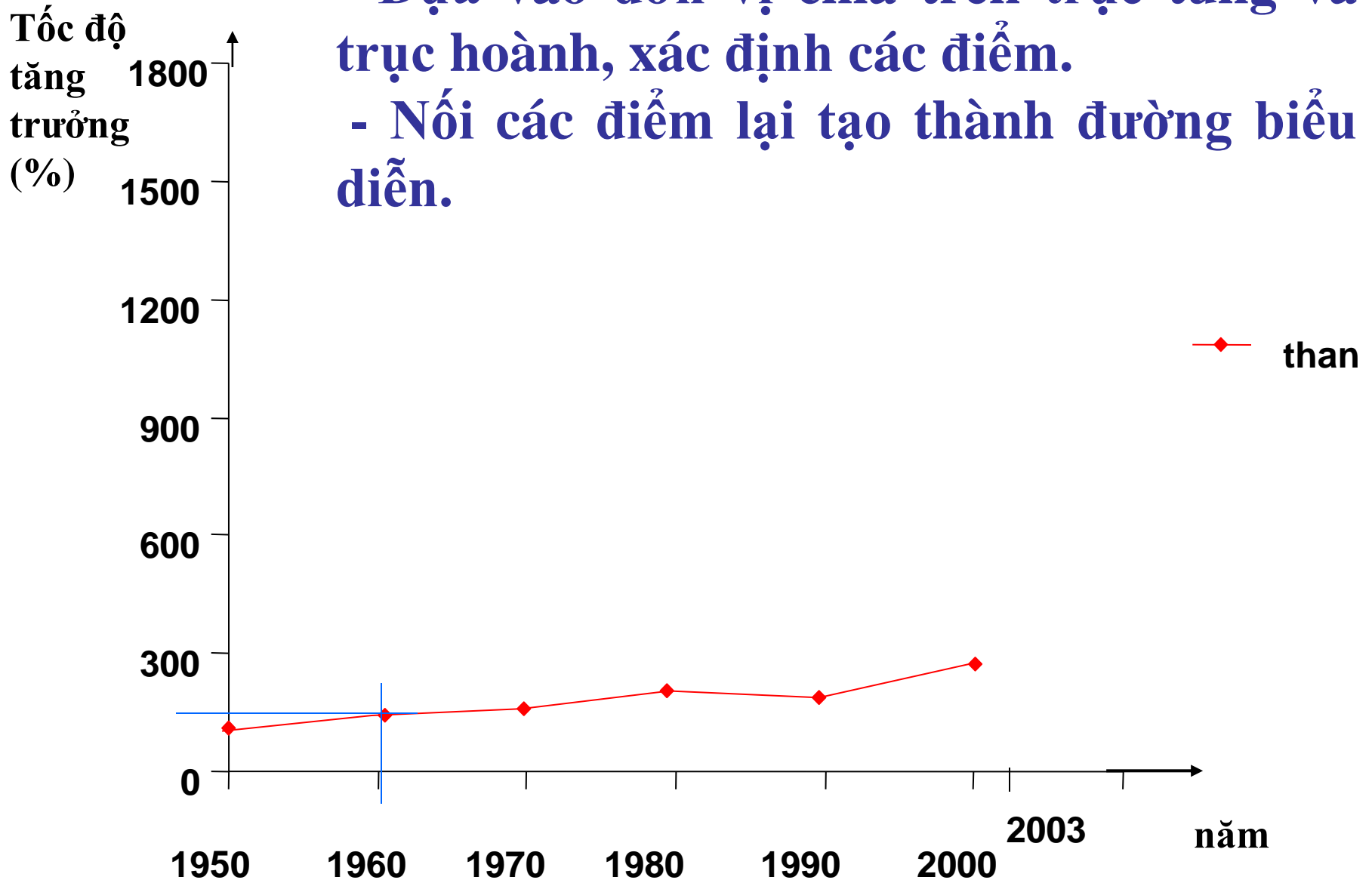
# Bảng số liệu đã xử lí (%)

	<b>1950</b>	<b>1960</b>	<b>1970</b>	<b>1980</b>	<b>1990</b>	<b>2003</b>
<b>Than</b>	<b>100</b>	<i>143</i>	<i>161</i>	<i>207</i>	<i>186</i>	<i>291</i>
<b>Dầu mỏ</b>	<b>100</b>	<i>201</i>	<i>447</i>	<i>586</i>	<i>637</i>	<i>747</i>
<b>Điện</b>	<b>100</b>	<i>238</i>	<i>513</i>	<i>853</i>	<i>1124</i>	<i>1536</i>
<b>Thép</b>	<b>100</b>	<i>183</i>	<i>314</i>	<i>361</i>	<i>407</i>	<i>460</i>

## B2. Cách vẽ biểu đồ

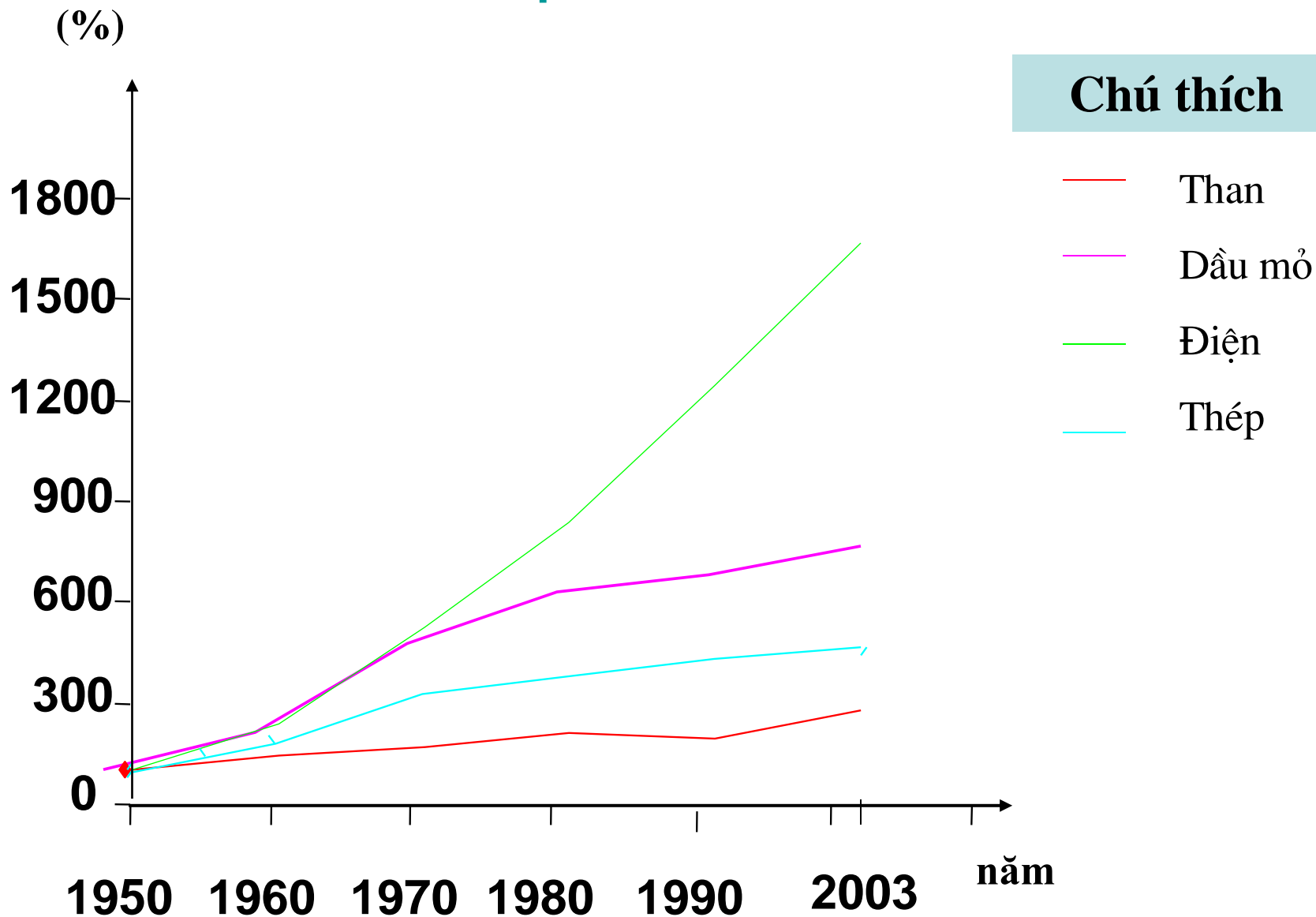


- Lấy mốc đầu tiên trên trục hoành
- Dựa vào đơn vị chia trên trục tung và trục hoành, xác định các điểm.
- Nối các điểm lại tạo thành đường biểu diễn.

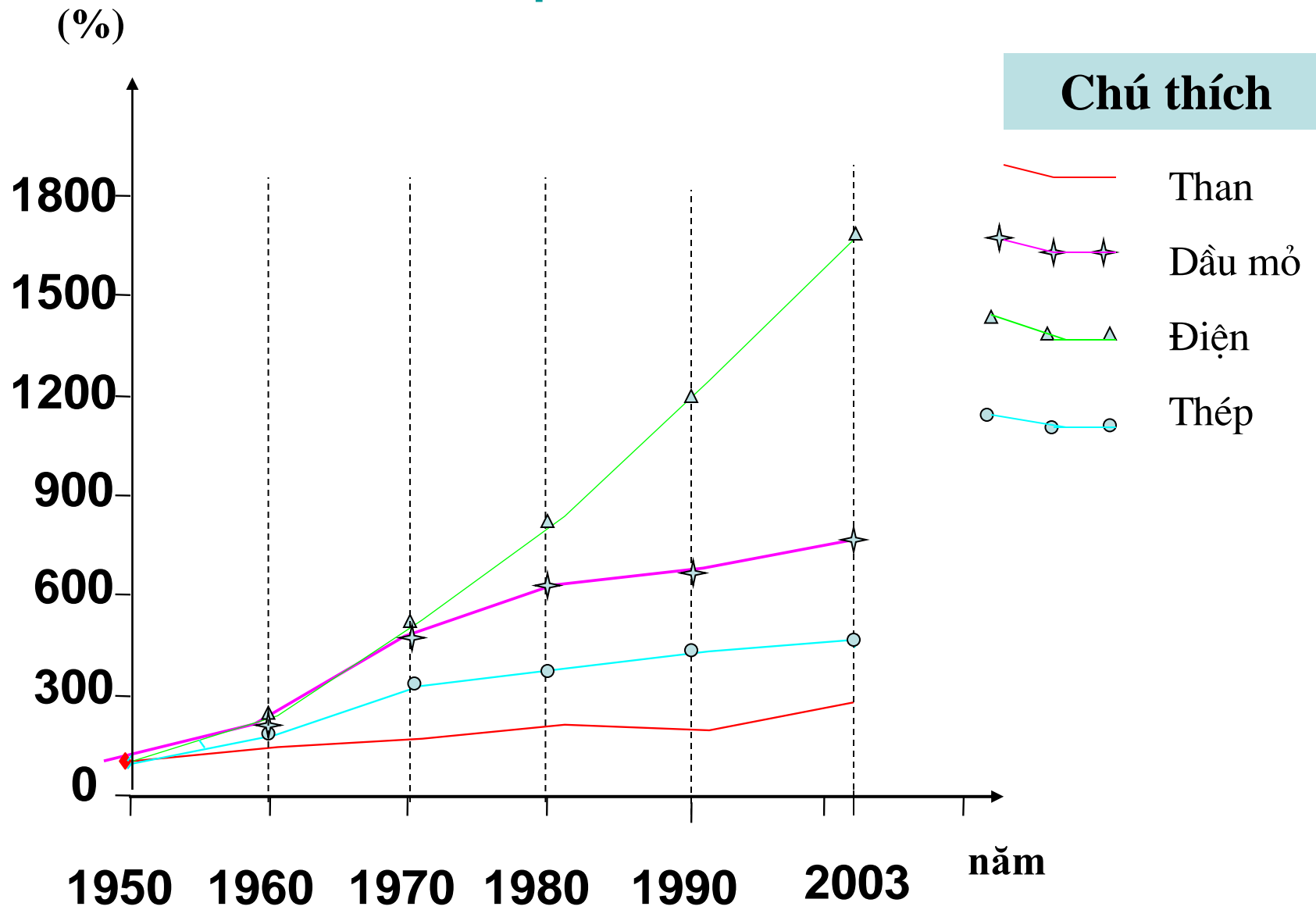




# BIỂU ĐỒ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI



# BIỂU ĐỒ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI



# Nhận xét

- Đây là sản phẩm của các ngành công nghiệp: khai thác năng lượng, luyện kim.
- Các sản phẩm đều tăng:
  - Nhanh nhất : Điện tăng liên tục **1436%, tăng 15 lần**
  - Thứ hai là Dầu tăng liên tục **647%, tăng 7,4 lần**
  - Thứ ba là Thép tăng liên tục **360%, tăng 4,6 lần**
  - Thứ tư là Than đá tăng không liên tục **191%, tăng 2,9 lần**

## Giải thích

**Điện:** Tốc độ phát triển rất nhanh trung bình 29% năm, do là ngành năng lượng trẻ, gắn liền với sự phát triển khoa học kỹ thuật và nhu cầu của KTXH.

**Dầu mỏ:** *Do có nhiều ưu điểm ( khả năng sinh nhiệt lớn, không có tro, dễ nạp nhiên liệu, là nguyên liệu cho công nghiệp hóa dầu...) tốc độ tăng trưởng khá nhanh trung bình 14%/năm.*

**Thép:** *Tốc độ tăng trưởng khá đều trung bình 9%/năm. Thép là sản phẩm của ngành công nghiệp luyện kim đen, được sử dụng trong các ngành kinh tế, nhất là ngành cơ khí chế tạo, xây dựng...*

**Than:** *Nhịp độ tăng trưởng chậm, trung bình 5,5%/năm. Thời kì 1980 -1990, tốc độ tăng trưởng có chững lại, do tìm được nguồn liệu khác thay thế ( dầu khí, hạt nhân...). Gần đây ngành khai thác than lại phát triển *nhu cầu của ngành công nghiệp hóa chất.**

# DẶN DÒ

Chuẩn bị trước bài 35 :Địa lí các ngành dịch vụ